TÒA ÁN NHÂN D **HUYỆN CÁI NƯỚC** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 188/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12 – 12 – 2017
" V/v tranh chấp xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN D HUYỆN CÁI NƯỚC, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Trúc Hằng

Các Hội thẩm nhân D:

Ông Nguyễn Văn Hành

Ông Nguyễn Quốc Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Chí Thêm – Thư ký Tòa án nhân D huyện Cái Nước.

Trong ngày 12 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân D huyện Cái Nước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 429/2017/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 11 năm 2017 về việc "*Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 364/2017/QĐXXST –HNGĐ, ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1970 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Lương Văn C, sinh năm 1972 (Có mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp Mỹ Điền, xã Đông Thới, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 27.10.2017 và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh C kết hôn vào năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9.2013 thì phát sinh mâu

thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên sống ly thân cho đến nay. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung là Lương Quang Quyền, sinh năm 1996; Lương Trung Tính, sinh năm 1997 và Lương Ngọc Dung, sinh năm 2000. Sau khi ly hôn, hiện hai con lớn đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Ngọc Dung chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh C không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh C không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

Tại các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa bị đơn anh Lương Văn C trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị D kết hôn năm 1995, nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến tháng 9.2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay anh đồng ý ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh và chị D có ba con chung là Lương Quang Quyền, sinh năm 1996; Lương Trung Tính, sinh năm 1997 và Lương Ngọc Dung, sinh năm 2000. Hiện nay, cháu Quyền và cháu Tính đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đồng ý giao cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dung và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh và chị D không có tài sản chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Anh và chị D không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nhận định:

Quan hệ pháp luật tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lương Văn C là "*xin ly hôn, nuôi con*" được quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng D sự.

[1] *Về hôn nhân*: Chị D và anh C kết hôn vào năm 1995, nhưng không đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật thừa nhận. Mặc dù, chị D và anh C thống nhất thuận tình ly hôn nhưng do anh chị không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn của

anh chị mà căn cứ vào khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa chị D và anh C là vợ chồng.

[2] *Về nuôi dưỡng con chung:* Chị D và anh C có ba con chung là Lương Quang Quyền, sinh năm 1996; Lương Trung Tính, sinh năm 1997 và Lương Ngọc Dung, sinh năm 2000. Hiện nay, cháu Quyền và cháu Tính đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cháu Ngọc Dung. Phía anh C đồng ý giao cháu Dung cho chị C nuôi dưỡng. Tại biên bản làm việc của Tòa án đối với cháu Lương Ngọc Dung thì cháu Dung có nguyện vọng được sống với chị D. Xét thấy sự thỏa thuận của chị D và anh C là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu Dung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị D và anh C: Giao cháu Dung cho chị D tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ, giáo dục đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi cháu Dung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] *Về tài sản chung*: Chị D và anh C thống nhất không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] *Về nợ chung*: Chị D và anh C thống nhất không có tài sản chung không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Buộc chị D phải chịu là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng D sự;

Các điều 9, 14, 51, 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị D và anh Lương Văn C là vợ chồng.

Về con chung: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận của chị Nguyễn Thị D và anh Lương Văn C: Giao cháu Lương Ngọc Dung, sinh năm 2000 cho chị Nguyễn

Thị D được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi thành niên. Anh Lương Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, anh Lương Văn C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc chị Nguyễn Thị D phải chịu số tiền là 300.000 đồng, được đối trừ số tiền chị D nộp tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0003941 ngày 06.11.2017 của C cục Thi hành án D sự huyện Cái Nước, chị D đã nộp đủ án phí.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án D sự thì người được Thi hành án D sự, người phải Thi hành án D sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật Thi hành án D sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật Thi hành án D sự.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận*:**
- *TAND tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND huyện Cái Nước;*
- *C cục THADS huyện Cái Nước;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ TRÚC HẰNG